

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN LANG CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 243/BCB-BVLC

Lang Chánh, ngày 11 tháng 11 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hóa

Tên cơ sở công bố: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN LANG CHÁNH

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 1290/TH-GPHĐ, do Sở Y tế Thanh Hóa cấp ngày 31/08/2022.

Địa chỉ: Số 06/04 Đường Châu Lang, Khu Phố Lê Lai - Thị trấn Lang Chánh - Huyện Lang Chánh - Tỉnh Thanh Hóa.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ngô Công Nghiêm.

Điện thoại liên hệ: 02373 874 006

Email: benhviendakhoahuyenlangchanh@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hiện hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Phụ lục 1)

- Bác sỹ đa khoa
- Bác sỹ y học cổ truyền
- Bác sỹ Răng hàm mặt
- Y sỹ học cổ truyền
- Điều dưỡng
- Hộ sinh
- Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Kỹ thuật ảnh y học
- Dược

2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp (*Phụ lục 1*)

- Bác sỹ đa khoa
- Bác sỹ Y học cổ truyền
- Bác sỹ Răng hàm mặt
- Cao đẳng/ trung cấp Y sỹ học cổ truyền
- Điều dưỡng: Đại học, cao đẳng
- Hộ sinh: Cao đẳng
- Kỹ thuật xét nghiệm y học: Đại học, cao đẳng
- Kỹ thuật ảnh y học: Đại học, cao đẳng
- Dược: Đại học, cao đẳng

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ)
(*Phụ lục 1*): 284 người.

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (*Phụ lục 2*)

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng:

STT	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)
1	Khoa Nội - HSCC	15	90	69	150
2	Khoa Ngoại - Sản	18	108	51	153
3	Khoa Nhi	08	48	42	126
4	Khoa YHCT - PHCN	06	36	21	63
5	Khoa Liên chuyên khoa	08	48	29	87
6	Khoa Dược	05	30	0	0
7	Khoa Cận lâm sàng	08	48	0	0
8	Khoa Khám bệnh	08	48	0	0
	Tổng	76	456	212	579



6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành:

(Phụ lục 3)

7. Chương trình đào tạo thực hành đạt yêu cầu theo Điều 4 của Nghị định 111/NĐ- CP *(Có phụ lục kèm theo)*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Ngô Công Nghiêm



SỞ Y TẾ THÀNH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN LANG CHÁNH

Phụ lục 1

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
NĂM 2024**

(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh)

1. Trình độ Cao đẳng - Trung cấp:

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Lâm sàng Nội, Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Nội - HSCC, Truyền nhiễm	06	90	15	45	0	45
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại - Sản	06	90	08	24	0	24
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa		04	60				
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	05	75	06	18	0	18
Tổng 1							21	315	29	87	0	87
2	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	03	45	3	9	0	9
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	03	45	6	18	0	18
Tổng 2							06	90	9	27	0	27
3	6720201	Cao đẳng	Dược	Dược LS Thực tập TN	Dược LS Thực tập TN	Khoa Dược	03	45	0	0	0	45
Tổng 3							03	45	0	0	0	45
4	6720102/ 5720102	Cao đẳng/ Trung cấp	Y sĩ y học cổ truyền	Lâm sàng đông y	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	YHCT- PHCN	05	75	06	18	0	18

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng 4							05	75	06	18	0	18
5	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Hồi sức cấp cứu	Thực hành lâm sàng bệnh học hsc	Nội - HSCC	01	15	03	09	0	09
				Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ Quản lý khoa XQ	Cận lâm sàng	02	30	0	0	0	30
Tổng 5							03	45	03	09	0	39
6	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Hồi sức cấp cứu	Thực hành lâm sàng bệnh học HSCC	Nội - HSCC	01	15	03	09	0	09
				Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Cận lâm sàng	02	30	0	0	0	30
Tổng 6							03	45	03	09	0	39
Tổng chung							41	615	50	150	0	255

2. Trình độ Đại học:

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	Lâm sàng Nội, Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Nội - HSCC, Truyền nhiễm	07	70	16	48	0	48
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại - Sản	06	60	20	60	0	60
				Lâm sàng Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa		04	40				
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	06	60	10	30	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng 1							23	230	46	138	0	138
2	7720101	Bác sỹ	Đa khoa	Lâm sàng HSCC	Thực hành lâm sàng bệnh học Nội khoa	Nội - HSCC	01	10	20	60	0	10
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại - Sản	01	10				
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa		01	10				
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	01	10	20	60	0	10
Tổng 2							04	40	60	180	0	40
3	7720115	Bác sỹ	Y học cổ truyền	Hồi sức cấp cứu	Thực hành lâm sàng bệnh học hsc	Nội - HSCC	01	10	03	09	0	09
				Y học cổ truyền	Lâm sàng đông y	YHCT-PHCN	01	10	15	45	0	10
Tổng 3							02	20	18	54	0	19
4	7720501	Bác sỹ	Răng hàm mặt	Hồi sức cấp cứu	Thực hành lâm sàng bệnh học hsc	Nội - HSCC	01	10	03	09	0	09
				Răng hàm mặt	Lâm sàng RHM	Khoa LCK	01	10	29	87	0	10
Tổng 4							02	20	32	96	0	19
5	7720201	Đại học	Dược	Dược lâm sàng Thực tập TN	Dược lâm sàng Thực tập TN	Dược	02	20	0	0	0	20
Tổng 5							02	20	0	0	0	20
6	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Hồi sức cấp cứu	Thực hành lâm sàng bệnh học hsc	Nội - HSCC	01	10	03	09	0	09
				Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ Quản lý khoa XQ	Cận lâm sàng	02	20	0	0	0	20
Tổng 6							03	30	03	09	0	29
7	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Hồi sức cấp cứu	Thực hành lâm sàng bệnh học HSCC	Nội - HSCC	01	10	03	09	0	09
				Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN Ls Huyết học	Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh - KST	Cận lâm sàng	02	20	0	0	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				Hóa sinh Vi sinh – KST								
				Tổng 7			03	30	03	09	0	29
				Tổng chung			39	380	162	486	0	284

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN LANG CHÁNH

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)
(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh)

1. Cao đẳng Điều dưỡng:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số gường đạt yêu cầu thực hành
1	Bàng Thị Thanh Trang	Bác sĩ	Đa khoa	020018/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 1 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội - Truyền nhiễm - HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa - Truyền nhiễm - Cấp cứu	15
2	Phạm Văn Cường	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	009534/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
3	Trương Đức Hòa	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	016812/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 4 năm				
4	Nguyễn Diệu Hà	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	006094/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
5	Hà Thị Nghĩa	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	009553/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
6	Cao Thị Tố Uyên	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	016872/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 4 năm				
7	Lê Văn Thạch	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	020083/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 1 năm				

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số gương đạt yêu cầu thực hành
8	Hà Văn Phát	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	15128/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 5 năm	dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghiệp	phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa Ngoại - Sản	
9	Hà Văn Mầm	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	006979/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
10	Đỗ Thị Lan	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	016675/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 4 năm				
11	Lò Văn Nhất	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	13819/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 7 năm				
12	Phạm Văn Hạnh	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	001656/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 8 năm				
13	Nguyễn Thị Vân Anh	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	017683/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 3 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sản Thực tập tốt nghiệp	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyên dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...		
14	Nguyễn Thị Lệ	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	009552/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
15	Phạm Thị Phần	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	018554/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 3 năm				
16	Trịnh Thị Phượng	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	005936/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 11 năm				

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
17	Phạm Thị Danh	Bác sĩ	Đa khoa	002427/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn chuyên khoa xét nghiệm. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên ngành nhân khoa	> 8 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ... và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ...	Khoa Nhi	
18	Bùi Thị Quyên	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	009555/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
19	Lò Thị Nguyệt	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	006109/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
20	Trương Hồng Chiêm	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	016871/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 4 năm				
21	Lương Thị Hằng	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	016731/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 4 năm				

2. Cao đẳng Hộ sinh:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Vân Anh	Bác sĩ	Đa khoa	017683/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 3 năm	Lâm sàng Sản vòng 2. 3 ...	KHÁM, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyên dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các	Khoa Ngoại - Sản	03
2	Bùi Trung Hậu	Cao đẳng hộ sinh	Hộ sinh	004300/TH-CCHN	Hộ sinh viên	> 11 năm				
3	Hoàng Thị	Cao đẳng hộ	Hộ sinh	14714/TH-	Theo quy định tại Thông tư số	> 6 năm				

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ đạt yêu cầu thực hành
	Thắm	sinh		CCHN	26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		tốt nghiệp	KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...		
4	Bùi Thị Bích Hồng	Bác sĩ	Đa khoa	017576/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 3 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ... và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT ĐD: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ.	Khoa Nhi	06
5	Lê Thị Lụa	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	001629/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 8 năm				
6	Lê Thị Lợi	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	13821/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 7 năm				

3. Cao đẳng Dược:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Như Khánh	Cao đẳng dược	Dược sĩ	6875/CCHN-D-SYT-TH	Hành nghề dược	> 2 năm	Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghiệp	Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, ... Tư vấn sử dụng thuốc Dự trữ thuốc Bảo quản thuốc....	Dược	0
2	Lê Thị Dung	Cao đẳng dược	Dược sĩ	5013/CCHND/SYT-TH/CCHN-D-SYT-TH	Hành nghề dược	> 5 năm				
3	Phạm Văn Phục	Cao đẳng dược	Dược sĩ	778/CCHND-SYT-TH	Hành nghề dược	> 7 năm				

4. Cao đẳng/Trung cấp Y học cổ truyền:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Phạm Thị Hương	Bác sĩ	YHCT	016636/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	> 4 năm	Y học cổ truyền, LS bệnh học y học hiện đại	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	YHCT- PHCN	06
2	Lê Bá Tuấn	Y sĩ	YHCT	006107/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp Y học cổ truyền. Bổ sung phạm vi hoạt động chữa bệnh vật lý trị liệu, phục hồi chức năng	> 10 năm				
3	Lê Quốc Đạt	Y sĩ	YHCT	001988/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Bổ sung phạm vi chuyên môn kỹ thuật viên Vật lý trị liệu phục hồi chức năng	> 8 năm				
4	Phạm Văn Chính	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009547/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
5	Nguyễn Thành An	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	012218/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 8 năm				

5. Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Phương	Bác sĩ	Đa khoa	018871/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 2 năm	Lâm sàng HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSDN: Suy hô hấp, cấp cứu ngừng tuần hoàn, tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ,..	Nội - HSCC	03
2	Phạm Văn Quý	Bác sĩ	Đa khoa	015926/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, định hướng chẩn đoán hình ảnh	> 5 năm			Cận lâm sàng	0

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
3	Lê Văn Dũng	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	001641/TH-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh kỹ thuật viên Xquang	> 8 năm	LS vòng 1. 2.3 Thực tập Tốt nghiệp	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ Quản lý khoa XQ		

6. Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Tuấn Anh	Bác sĩ	Đa khoa	017577/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 3 năm	Lâm sàng HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSEDN: Suy hô hấp, cấp cứu ngừng tuần hoàn, tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ,..	Nội-HSCC	03
2	Vi Thị Kiều Vân	Cử nhân xét nghiệm y học	XNYH	006104/TH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	> 10 năm	Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST GPB	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm: Công thức máu, Huyết đồ, tuỷ đồ, cách nhận định kết quả, phân tích sai hỏng về kết quả huyết học và các kỹ thuật cao. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm sinh hoá, định tính, định lượng các xét nghiệm sinh hoá ...	Xét nghiệm	0
3	Phạm Thị Trang		XNYH	017287/TH-CCHN	KTV xét nghiệm	> 4 năm				

7. Đại học Điều dưỡng:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số gường đạt yêu cầu thực hành
1	Ngân Văn Thắng	Bác sĩ	Đa khoa	006127/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội – truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa – Truyền nhiễm – Cấp cứu	16
2	Lê Thị Mai	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	006095/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
3	Trịnh Thị Nga	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009557/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
4	Hoàng Thị Thắm	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009564/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
5	Lê Thị Tú	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009550/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
6	Lê Thị Quế	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	006110/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
7	Nguyễn Thị Thu	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009537/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa Ngoại - Sản	20
8	Lê Văn Mong	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009545/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động Phẫu thuật nội soi ổ bụng, phẫu thuật điều trị trĩ, khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, siêu âm tổng quát ổ bụng	> 10 năm				
9	Lê Minh Tuấn	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009551/TH-CCHN	Điều dưỡng viên. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Kỹ thuật viên xương	> 10 năm				

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số gường đạt yêu cầu thực hành
					bột, khám bệnh, chữa bệnh kỹ thuật viên gây mê hồi sức					
10	Nguyễn Văn Thái	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009527/TH- CCHN	Điều dưỡng viên. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh kỹ thuật viên gây mê hồi sức	> 10 năm				
11	Lê Ngọc Hoàng	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009556/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
12	Lê Đăng Đức	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009554/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
13	Nguyễn Anh Tú	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	018645/TH- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT- BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 2 năm				
14	Hà Thị Cúc	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	006126/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa, khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sản Thực tập tốt nghịệp	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyên dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...		
15	Vương Thị Lê	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009539/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
16	Lê Thị Huyền Trang	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	001664/TH- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT- BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 8 năm				
17	Hoàng Thị Phượng	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	001050/TH- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT- BNV ngày 7/10/2015 quy	> 8 năm	Lâm sàng Điều	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc,	Khoa Nhi	30

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
					định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ.		
18	Bùi Thị Bích Hồng	Bác sĩ	Đa khoa	017576/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 3 năm				
19	Lê Thị Thúy	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	006106/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
20	Hoàng Thị Thắm	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009564/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
21	Lê Thị Hương	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	001657/TH- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT- BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 8 năm				
22	Hà Thị Nhâm	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	15351/TH- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLTBYT- BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	> 5 năm				
23	Đỗ Thị Bích Hồng	Đại học điều dưỡng	Đa khoa	009359/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				

8. Đại học bác sỹ đa khoa:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Hà Tuấn Thạch	BsCKI	HSCC	019311/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 2 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - Truyền nhiễm – HSCC	KHÁM, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ	Nội khoa – Truyền nhiễm – Cấp cứu	20

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
							Thực tập tốt nghiệp	độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...		
2	Ngô Công Nghiê	BsCKII	Ngoại khoa	002551/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	> 11 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa Ngoại - Sản	20
3	Phạm Thị Thúy	BsCKII	Sản khoa	009546/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, siêu âm tổng quát ổ bụng	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Sản Thực tập tốt nghiệp	KHÁM, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyên dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...		
4	Đỗ Thị Lan Anh	BsCKI	Nhi khoa	006130/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe	Khoa Nhi	20

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
					Nhi, khám bệnh, chữa bệnh đa khoa					

9. Bác sỹ Răng hàm mặt:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Trịnh Văn Lê	BsCKI	GMHS	009528/T H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh, Gây mê hồi sức. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 9 năm	Lâm sàng HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSDN: Suy hô hấp, cấp cứu ngừng tuần hoàn, tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ,...	Nội - HSCC	03
2	Hoàng Văn Định	BsCKI	RHM	013017/T H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Răng hàm mặt	> 7 năm	Lâm sàng RHM	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh Răng Hàm Mặt	Khoa LCK	29

10. Đại học Dược:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Trịnh Thị Hạnh	Dược sĩ đại học	Dược sĩ	5152/CCHN-D-SYT-TH	Hành nghề dược	> 5 năm	Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghiệp	Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, ... Tư vấn sử dụng thuốc Dự trữ thuốc Bảo quản thuốc....	Dược	0
2	Hà Thị Ngoan	Dược sĩ đại học	Dược sĩ	4679/CCHND-SYT-TH	Hành nghề dược	> 5 năm				

11. Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Vi Văn Đăng	BsCKI	Nội khoa	000216/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết - Đái tháo đường	> 8 năm	Lâm sàng HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSDN: Suy hô hấp, cấp cứu ngừng tuần hoàn, tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ,..	Nội - HSCC	03
2	Trịnh Xuân Long	BsCKI	CDHA	002297/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Điện tâm đồ chẩn đoán, Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa mắt, chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	> 8 năm	LS vòng 1. 2.3 Thực tập Tốt nghiệp	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ Quản lý khoa XQ	Cận lâm sàng	0
3	Trịnh Quang Đức	Cao đẳng điều dưỡng	Đa khoa	006097/TH-CCHN	Điều dưỡng viên. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Kỹ thuật viên nội soi tiêu hoá, khám bệnh, chữa bệnh kỹ thuật viên Xquang	> 10 năm				

12. Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Bùi Thị Bích Hồng	Bác sĩ	Đa khoa	017576/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 3 năm	Lâm sàng HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSDN: Suy hô hấp, cấp cứu ngừng tuần hoàn, tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ...	Nội - HSCC	03
2	Phạm Thị Ngoan	BsCKI	XNYH	012764/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	> 6 năm	Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST GPB	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm: Công thức máu, Huyết đồ, tủy đồ, cách nhận định kết quả, phân tích sai hỏng về kết quả huyết học và các kỹ thuật cao. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm sinh hoá, định tính, định lượng các xét nghiệm sinh hoá ...	Xét nghiệm	0
3	Lê Thị Hương	Cử nhân xét nghiệm y học	XNYH	018257/TH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	> 3 năm				

13. Bác sĩ Y học cổ truyền:

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	Trịnh Văn Lê	BsCKI	GMHS	009528/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh, Gây mê hồi sức. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 9 năm	Lâm sàng HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSDN: Suy hô hấp, cấp cứu ngừng tuần hoàn, tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ...	Nội - HSCC	03
2	Lê Thị Vinh	Bác sĩ	YHCT	012219/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	> 8 năm	Y học cổ truyền LS bệnh học y học hiện đại	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	YHCT - PHCN	10

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN LANG CHÁNH

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nội khoa)**

(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa
khoa huyện Lang Chánh)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	1	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		5	
5.	Màn chiếu	Cái	1	
6.	Máy chiếu	Cái	1	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Ống nghe	Cái	5	
9.	Đèn đọc phim	Cái	1	
10.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
11.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
12.	Ghế đơn	Cái	20	
13.	Bóng Ambu	Cái	2	
14.	Bình Oxy các loại	Cái	5	
15.	Máy hút đờm rãi	Cái	1	
16.	Giường bệnh	Cái	40	
17.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	10	
18.	Máy thở	Cái	2	
19.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	5	
20.	Xe tiêm, Dụng dụng cụ, thuốc	Cái	10	
21.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	5	
22.	Bơm tiêm điện	Cái	5	
23.	Máy điện tim	Cái	1	
24.	Nhiệt kế các loại	Cái	20	
25.	Hộp chống shock	Cái	10	
26.	Cân	Cái	1	
27.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	5	
28.	Tủ sấy	Cái	1	
29.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	40	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA SẢN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
 (Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Sản khoa)
 (Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa
 khoa huyện Lang Chánh)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		4	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
5.	Ghế đơn	Cái	20	
6.	Máy tính	Cái	1	
7.	Ổng nghe	Cái	5	
8.	Đèn đọc phim	Cái	1	
9.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
10.	Bóng Ambu	Cái	2	
11.	Bình Oxy các loại	Cái	5	
12.	Máy hút đờm rãi	Cái	2	
13.	Giường bệnh	Cái	20	
14.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	5	
15.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	5	
16.	Xe tiêm	Cái	10	
17.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	5	
18.	Bơm tiêm điện	Cái	5	
19.	Nhiệt kế các loại	Cái	10	
20.	Hộp chống shock	Cái	5	
21.	Dụng cụ khám thai	Bộ	5	
22.	Cân	Cái	1	
23.	Thước đo chiều cao	Cái	1	
24.	Nội lục dụng cụ	Cái	3	
25.	Tủ sấy	Cái	1	
26.	Nồi hấp	Cái	1	
27.	Kẹp, panh, kéo, kim, van các loại	Bộ	3	
28.	Bộ tiểu phẫu (làm rốn)	Bộ	10	
29.	Bàn mổ - Dụng cụ mổ các loại	Cái	2	
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái		
31.	Bàn khám phụ khoa	Cái	2	
32.	Bàn đẽ	Cái	2	
33.	Bàn làm thủ thuật	Cái	2	
34.	Đèn gù	Cái	3	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NGOẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Ngoại khoa)
*(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa
 khoa huyện Lang Chánh)*

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	1	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		4	
5.	Máy tính	Cái	1	
6.	Ống nghe	Cái	5	
7.	Đèn đọc phim	Cái	1	
8.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
10.	Ghế đơn	Cái	20	
11.	Bóng Ambu	Cái	5	
12.	Bình Oxy các loại	Cái	5	
13.	Máy hút đờm rãi	Cái	2	
14.	Giường bệnh	Cái		
15.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	5	
16.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	5	
17.	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	10	
18.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	5	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	5	
20.	Nhiệt kế	Cái	10	
21.	Hộp chống shock	Cái	5	
22.	Cân	Cái	1	
23.	Tủ sấy	Cái	1	
24.	Nồi hấp	Cái	1	
25.	Các loại nẹp và dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	10	
26.	Kẹp, panh, kéo, kìm, van các loại	Bộ	5	
27.	Bộ trung phẫu	Bộ	2	
28.	Bộ tiểu phẫu	Bộ	5	
29.	Bàn mổ	Cái	3	
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái		
31.	Bàn làm thủ thuật	Cái	3	
32.	Đèn gù	Cái	2	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NHI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nhi khoa)
(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa
khoa huyện Lang Chánh)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	4	
4.	Màn chiếu	Cái	1	
5.	Máy chiếu	Cái	1	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Ổng nghe	Cái	5	
9.	Đèn đọc phim	Cái	1	
10.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
11.	Ghế đơn	Cái	20	
12.	Bóng Ambu	Cái	5	
13.	Bình Oxy các loại	Cái	5	
14.	Máy hút đờm rãi	Cái	3	
15.	Giường bệnh	Cái		
16.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	5	
17.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	3	
18.	Xe tiêm	Cái	10	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	5	
20.	Nhiệt kế	Cái	10	
21.	Hộp chống shock	Cái	5	
22.	Cân	Cái	1	
23.	Thước đo chiều cao	Cái	1	
24.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái		

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA DƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/ Cao đẳng/Trung cấp Dược)**

*(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa
khoa huyện Lang Chánh)*

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	4	
4.	Màn chiếu	Cái	1	
5.	Máy chiếu	Cái	1	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Ghế đơn	Cái	20	
9.	Kho thuốc nội trú	Kho	02	
10.	Kho thuốc ngoại trú	Kho	01	
11.	Kho vật tư tiêu hao	Kho	01	
12.	Kho hóa chất	Kho	01	
13.	Phòng dược lâm sàng	Phòng	01	
14.	Tủ lạnh	Cái	02	
15.	Tủ bảo quản thuốc: bút tiểu đường, insulin...,	Cái	1	
16.	Máy đo nhiệt độ	Cái	04	
17.	Máy đo độ ẩm	Cái	04	
18.	Máy sấy	Cái	01	
19.	Tủ đựng thuốc	Cái	06	
20.	Xe vận chuyển thuốc	Cái	02	
21.	Xe phát thuốc	Cái	02	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học)
(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa
 khoa huyện Lang Chánh)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
4.	Màn chiếu	Cái	1	
5.	Máy chiếu	Cái	1	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Bảng viết lớn	Cái	01	
9.	Ghế đơn	Cái	20	
10.	Máy phân tích huyết học	Cái	01	
11.	Máy sinh hóa tự động	Cái	01	
12.	Máy đông máu tự động	Cái	01	
13.	Máy điện giải đồ	Cái	01	
14.	Máy phân tích nước tiểu	Cái	01	
15.	Máy li tâm	Cái	01	
16.	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	05	
17.	Tủ mát	Cái	01	
18.	Tủ lạnh chuyên dùng	Cái	01	
19.	Cân điện tử	Cái	01	
20.	Máy máu lắng tự động	Cái	01	
21.	Nồi hấp ướ	Cái	01	
22.	Máy đo tốc độ máu lắng	Cái	01	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học)
(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
4.	Màn chiếu	Cái	1	
5.	Máy chiếu	Cái	1	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	5	
7.	Máy tính	Cái	1	
8.	Bảng viết lớn	Cái	01	
9.	Ghế đơn	Cái	30	
10.	Giường để siêu âm (giường, chiếu, gối, chăn,...)	Cái	03	
11.	Máy chụp X-Quang	Cái	02	
12.	Máy siêu âm màu 4D	Cái	02	
13.	Máy siêu âm xách tay	Cái	01	
14.	Máy điện tim 6 cần	Cái	01	
15.	Máy điện não	Cái	01	
16.	Máy lưu huyết não	Cái	01	
17.	Đèn đọc phim	Cái	03	
18.	Hệ thống nội soi dạ dày	Bộ	01	
19.	Hệ thống nội soi hậu môn trực tràng	Hệ thống	1	
20.	Đầu dò siêu âm 2D, 3D, 4D	Cái	01	

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng/ Trung cấp Y học cổ truyền)**

*(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa
khoa huyện Lang Chánh)*

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	20	
5.	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	04	
6.	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	02	
7.	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	02	
8.	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	02	
9.	Máy sắc thuốc 24 âm	Máy	01	
10.	Máy điện châm	Cái	01	
11.	Đèn hồng ngoại	Cái	01	
12.	Máy trung tần	Cái	01	
13.	Máy xoa bóp toàn thân	Cái	01	
14.	Bộ dụng cụ giác hơi	Bộ	02	
15.	Xe đạp tập	Cái	02	
16.	Máy sóng ngắn	Cái	01	
17.	Nồi điện nấu Parafin	Cái	01	
18.	Ròng rọc tập	Cái	02	
19.	Cầu thang tập đi	Cái	01	
20.	Bàn tập đứng	Cái	01	
21.	Bộ tạ	Bộ	01	
22.	Thanh tập song song	Cái	01	
23.	Ghế tập mạnh chân tay	Cái	02	
24.	Giường châm cứu	Cái	04	
25.	Giường đa năng	Cái	01	
26.	Giường inox	Cái	01	
27.	Tủ thuốc	Cái	01	
28.	Máy kéo giãn cột sống	Bộ	01	
29.	Máy điều trị trường điện từ	Cái	01	
30.	Máy massage	Cái	04	
31.	Quạt sưởi	Cái	02	
32.	Xe lăn đẩy bệnh nhân	Cái	01	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN LANG CHÁNH

Phụ lục bổ sung

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành
(Kèm theo bản Công bố số 243/BCB-BVLC ngày 11/11/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội trường lớn (đề học theo lớp)	Phòng	1	100m ²
2	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	2	30m ²
3	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	4	30m ²
4	Phòng trực	Phòng	4	50m ²
5	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	2	15m ²
6	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ...)			Đầy đủ theo quy định của BV hạng 2
7	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8	Bảng phụ	Cái	1	
9	Màn chiếu	Cái	1	
10	Máy chiếu	Cái	2	
11	Máy tính	Cái	6	
12	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Phần mềm	1	
13	Bàn ghế ngồi	Bộ	30	
14	Ghế đơn	Cái	100	